

## YÊU CẦU BÁO GIÁ

**Áp dụng đối với gói thầu mua sắm trang thiết bị y tế; gói thầu mua sắm vật tư, hóa chất sử dụng cho trang thiết bị y tế**

**Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam**

Trung tâm Y tế huyện Hiệp Hoà có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho gói thầu: Cung cấp vật tư, hoá chất, sinh phẩm y tế của đơn vị với nội dung cụ thể như sau:

### I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

- Đơn vị yêu cầu báo giá: Trung tâm Y tế huyện Hiệp Hoà.
- Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:
  - Người nhận báo giá: Nguyễn Thế Huy
  - Chức Vụ: Trưởng khoa Dược – TTBYT
  - SĐT: 0914.815.481
- Cách thức tiếp nhận báo giá: tiếp nhận báo giá theo một trong các cách thức sau:
  - Nhận trực tiếp tại địa chỉ: Khoa dược – Trung tâm Y tế huyện Hiệp Hoà; Địa chỉ: Đường Tuệ Tĩnh – Tổ dân phố số 3- Thị trấn Thắng – Hiệp Hoà – Bắc Giang.
  - Nhận qua email: [ttythiephoa24007@gmail.com](mailto:ttythiephoa24007@gmail.com)
- Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ 15h ngày 12 tháng 09 năm 2023 đến trước ngày 23 tháng 09 năm 2023. <sup>(2)</sup>

*Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.*

- Thời hạn có hiệu lực của báo giá: **Tối thiểu 90 ngày**, kể từ ngày 23 tháng 09 năm 2023. Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.
- Thời hạn có hiệu lực của báo giá: **Tối thiểu 90 ngày** kể từ ngày 23 tháng 09 năm 2023.

### II. Nội dung yêu cầu báo giá:

- Danh mục vật tư, hoá chất, sinh phẩm Y tế chi tiết như sau:

STT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng/khối lượng	Đơn vị tính
-----	----------	--	---------------------	-------------

1	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Albumin	<p>"Tính năng: Hóa chất dùng cho xét nghiệm Albumin  Dải đo: 0.01-5.9 g/dL  Phương pháp: BCG  Thành phần :  Succinic acid: 0.5M  Bromocresol Green:: 0.75mM  Hộp: 4x29ml  TCCL: ISO 13485.  "</p>	116	MI
2	Hóa chất dùng cho xét nghiệm ALT	<p>"Tính năng: Hóa chất xét nghiệm dùng cho xét nghiệm ALT  Dải tuyến tính: 8-800 U/L  Phương pháp IFCC  Thành phần :  Thuốc thử 1 ( R1 ):  Tris buffer ( pH 7.4 ): 125 mM  D-LDH &lt; 3500 U/L  L-Alanine: 624 mM  Chất không hoạt tính, chất bảo quản  Thuốc thử 2 ( R2 ) :  NADH : 1.4 mM  a-Ketoglutarate: 75 mM  Chất không hoạt tính, chất bảo quản.  Hộp: 4x50ml+4x12.5ml  TCCL: ISO 13485;"</p>	20.000	MI
3	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Amylase	<p>"Tính năng: Hóa chất xét nghiệm dùng cho xét nghiệm Amylase IFCC  Dải đo: Serum: 3.1-2044 IU/L, Urine: 1.6-5308 IU/L  Phương pháp: IFCC  Thành phần :  Thuốc thử 1 ( R1 ):  PIPES, pH 7.0 134 mM  MgCL2 12.5mM  Glucosidase &gt;7.5 KU  Chất không hoạt tính, chất bảo quản  Thuốc thử 2( R2):  EPS 8 mM  Chất không hoạt tính, chất bảo quản  Hộp: 4x32ml+4x8ml  TCCL: ISO 13485;"</p>	480	MI

4	Hóa chất dùng cho xét nghiệm AST	"Tính năng: Hóa chất xét nghiệm dùng cho xét nghiệm AST Dải tuyến tính: 6-800 U/L Phương pháp: IFFC Thành phần : Thuốc thử 1 (R1): Tris buffer (pH 7.8): 193 mM MDH: > 1000 U/L D-LDH: > 1000 U/L L-aspartate: 360 mM Chất không hoạt tính, chất bảo quản Thuốc thử 2 (R2): NADH: 1.7 mM $\alpha$ -ketoglutarate: 90 mM Chất không hoạt tính, chất bảo quản Hộp: 4x50ml+4x12.5ml TCCL: ISO 13485; "	20.000	MI
5	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Cholesterol	"Tính năng: Hóa chất xét nghiệm dùng cho xét nghiệm Cholesterol Dải đo: 1.25-701 mg/dL Phương pháp: CHOD-PAD Thành phần : 4-Chlorophenol 0.34 mM 4-Aminoantipyrine 0.34 mM Cholesterol esterase (CHE) $\geq$ 1000 U/L Cholesterol oxidase (CHOD) $\geq$ 1000 U/L Peroxidase (POD) $\geq$ 1500 U/L Hộp: 4x22.5ml TCCL: ISO 13485;"	7.200	MI

6	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Creatinine	<p>"Tính năng: Hóa chất dùng cho xét nghiệm Creatinine  Dải đo: Serum: 0.03-31.1 mg/dL,  Urine: 0.1-380 mg/dL  Phương pháp: Jaffe kinetic  Thành phần :  Thuốc thử 1 ( R1 )  NaOH : 0.45M  Detergent : 0.4 %  Thành phần không phản ứng và chất bảo quản  Thuốc thử 2 ( R2 )  Picric acid Solution : 22mM  Thành phần không phản ứng và chất bảo quản.  Hộp: 4x38ml + 4x25ml  TCCL: ISO 13485; "</p>	20.160	MI
7	Hóa chất xét nghiệm định lượng CRP	<p>"Hóa chất dùng cho định lượng xét nghiệm CRP  Phương pháp :Latex enhanced immunoturbidimetry  Quy cách :  R1 : 2 x 24 ml  R2 : 2 x 8 mL  Calibrator : 2 mL  Độ tuyến tính lên đến : 200 mg/L  Thành phần :  R1 : Glycine buffer solution  R2 : Latex suspension coated with anti-CRP antibodies.  (rabbit polyclonal antibody)  Tiêu chuẩn :ISO 13485"</p>	66	MI
8	Hóa chất dùng cho xét nghiệm GGT	<p>"Tính năng: Hóa chất dùng cho xét nghiệm G-GT  Dải đo: 2.5-1110 U/L  Phương pháp: IFCC enzymatic colorimetric  Thành phần :  Thuốc thử 1 ( R1 ):  Tris buffer (pH 8.2): 160 mM  Glycyl-Glycine: 200 mM  Chất không hoạt tính, chất bảo quản  Thuốc thử 2 ( R2 ):  Tris buffer (pH 8.2): 20 mM  GLUPA-C: 8 mM  Chất không hoạt tính, chất bảo quản  Hộp: 4x40ml+4x40ml  TCCL: ISO 13485; "</p>	320	MI

9	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Glucose	"Tính năng: Hóa chất dùng cho xét nghiệm Glucose Đái đo: Serum: 0.4-611 mg/dL, Urine: 0.8-1115 mg/dL, CSF: 0.8-448 mg/dL. Phương pháp: Enzyme hexokinase Thành phần: Thuốc thử 1 (R1) Tris base, pH 7.8: 156 mM MgSO4 14 mM NAD 3.2 mM ATP 3.1 mM Chất không phản ứng và chất bảo quản Thuốc thử 2 (R2) Tris Base 500 mM MgSO4 25 mM Hexokinase >20000 U/L G6PDH >22000 U/L Chất không phản ứng và chất bảo quản Hộp: 4x45ml+4x15ml TCCL: ISO 13485; "	19.200	MI
10	Hóa chất dùng cho xét nghiệm HbA1c	"Tính năng: Hóa chất dùng cho xét nghiệm HbA1c Độ tuyến tính tối đa 13% Phương pháp đo: Latex enhanced Immunoturbidimetry Hộp: 2 x 30/2 x 10/ 3x53ml Thành phần : -Latex -Anti-human HbA1c mouse monoclonal antibody -Anti-mouse IgG goat antibody -Haemolysis Reagent TCCL: ISO 13485;"	1.434	MI
11	Chất chuẩn dùng cho xét nghiệm HbA1c	"Tính năng: Chất chuẩn dùng cho xét nghiệm HbA1c Quy cách: 4x0,5ml TCCL: ISO 13485; "	04	MI
12	Chất kiểm tra mức thấp và mức cao dùng cho xét nghiệm HbA1c	"Tính năng: Chất kiểm tra mức thấp và mức cao dùng cho xét nghiệm HbA1c. Quy cách: 2x0,5ml TCCL: ISO 13485; "	02	MI

13	Hóa chất xét nghiệm định lượng HDL-Cholesterol	"Tính năng: Hóa chất dùng cho xét nghiệm HDL Cholesterol Dải tuyến tính: 0.00-180 mg/dL: Thành phần : Thuốc thử (R1): Anti-human- $\beta$ -Lipoprotein antibody : Cholesterol Esterase 0.8 IU/ml Cholesterol Oxidase 4.4 IU/ml Peroxidase 1.7 IU/ml Ascorbate Oxidase 2.0 IU/ml Good's buffer pH=7.0 30 mmol/L N-Ethyl-N-(2-hydroxy-3-sulfopropyl)-3.5-dimethoxy-4-fluoroaniline (F-DAOS): 0.20 mmol/L 4-aminoantip 0.67 mmol/L Chất bảo quản và chất không phản ứng Hộp: 4x27ml+4x9ml. TCCL: ISO 13485; "	720	MI
14	Hóa chất xét nghiệm định lượng LDL-Cholesterol	"Tính năng: Hóa chất dùng cho xét nghiệm LDL Cholesterol Dải tuyến tính: 0.08-300.0 mg/dL: Phương pháp: immunosuppression Thành phần: Good's Buffer (pH 6.8) 25 mmol/L 4-AMP: 0.8 mmol/L Cholesterol Oxidase (CHO): 3.7 IU/mL Cholesterol Esterase (CHE): 3.7 IU/mL Peroxidase(POD): 4.9 IU/mL Catalase: 743 IU/mL Chất không phản ứng và chất bảo quản Hộp: 4x27ml+4x9ml. TCCL: ISO 13485; "	432	MI

15	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Triglycerides	<p>"Tính năng: Hóa chất dùng cho xét nghiệm Triglycerides  Dải tuyến tính: 4-1400 mg/dL  Phương pháp: GPO-POD  Thành phần :  Thuốc thử 1 ( R1 )  Tris buffer (pH: 6,8): 240 mM  Peroxidase: &gt; 5000 U/L  Glycerokinase: &gt; 1000 U/L  Lipoprotein Lipase: &gt; 15000 U/L  ATP: 4.5 mM  Chất không hoạt tính, chất bảo quản  Thuốc thử 2 ( R2 )  4- Aminoantipyrine &lt; 15 mM  GPO: &gt; 55000 U/L  Chất không hoạt tính, chất bảo quản  Hộp: 4x50ml+4x12.5ml  TCCL: ISO 13485;"</p>	20.000	MI
16	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Urea	<p>"Tính năng: Hóa chất dùng cho xét nghiệm Urea  Dải tuyến tính: Serum: 2-300 mg/dL,  Urine: 15-4750 mg/dL  Phương pháp: Xác định Urea bằng Enzym  Thành phần:  Thuốc thử 1 ( R1 )  Tris buffer (pH 7.4): 150 mM  Urease ≤ 30 kU/L  GLDH ≤ 1 kU/L  a-Ketoglutaric acid: 10 mM  Chất bảo quản, chất không hoạt tính  Thuốc thử 2 (R2):  NADH: 0.32 mM  Chất bảo quản, chất không hoạt tính  Hộp: 4x50ml+4x50ml  TCCL: ISO 13485;"</p>	32.000	MI
17	Dung dịch rửa hệ thống máy sinh hóa tự động	<p>"Tính năng: Dung dịch rửa hệ thống máy sinh hóa tự động. Trong suốt không có hạt vật chất nhìn thấy  Thành phần: Dung dịch nước có chứa NaOH, muối hữu cơ và chất bảo quản.  Nitrilotriacetic Axit Trisodium Salt Monohydrate &lt; 2%  Sodium Hydroxide &lt; 5%  2-Ethoxyethanol &lt; 2%  TCCL: ISO 13485"</p>	48.000	MI

Tổng cộng: 17 danh mục			
---------------------------	--	--	--

2. Địa điểm cung cấp, các yêu cầu về vận chuyển, cung cấp, lắp đặt, bảo quản thiết bị y tế: *cung cấp, vận chuyển vật tư, hóa chất đến tận khoa Dược - TTBYT của Trung tâm Y tế huyện Hiệp Hoà.*

3. Thời gian giao hàng dự kiến: sau khoảng 1-5 ngày tính từ thời gian người cung ứng của đơn vị gọi hàng.

4. Dự kiến về các điều khoản tạm ứng, thanh toán hợp đồng: Thanh toán đầu quý này cho quý trước sau khi đơn vị đã nhận đủ các loại giấy tờ cần thiết để phục vụ cho thanh toán.

5. Các thông tin khác (nếu có).

**Nơi nhận:**

- Lưu HS;
- Đăng website đơn vị;





## Mẫu báo giá

### BÁO GIÁ<sup>(1)</sup>

**Kính gửi: Trung tâm Y tế huyện Hiệp Hoà**

Trên cơ sở yêu cầu báo giá của Trung tâm Y tế huyện Hiệp Hoà, chúng tôi .... [ghi tên, địa chỉ của hãng sản xuất, nhà cung cấp; trường hợp nhiều hãng sản xuất, nhà cung cấp cùng tham gia trong một báo giá (gọi chung là liên danh) thì ghi rõ tên, địa chỉ của các thành viên liên danh] báo giá cho các trang thiết bị y tế như sau:

#### 1. Báo giá cho các thiết bị y tế và dịch vụ liên quan

STT	Danh mục thiết bị y tế <sup>(2)</sup>	Ký, mã, nhãn hiệu, model, hãng sản xuất <sup>(3)</sup>	Mã HS <sup>(4)</sup>	Năm sản xuất <sup>(5)</sup>	Xuất xứ <sup>(6)</sup>	Số lượng/khối lượng <sup>(7)</sup>	Đơn giá <sup>(8)</sup> (VND)	Chi phí cho các dịch vụ liên quan <sup>(9)</sup> (VND)	Thuế, phí, lệ phí (nếu có) <sup>(10)</sup> (VND)	Thành tiền <sup>(11)</sup> (VND)
1										
2										
n	...									

(Gửi kèm theo các tài liệu chứng minh về tính năng, thông số kỹ thuật và các tài liệu liên quan của thiết bị y tế)

2. Báo giá này có hiệu lực trong vòng: ..... ngày, kể từ ngày 23 tháng 09 năm 2023 [ghi cụ thể số ngày nhưng không nhỏ hơn 90 ngày].

3. Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.

- Giá trị của các thiết bị y tế nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.

- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

....., ngày.... tháng....năm....

**Đại diện hợp pháp của hãng sản xuất, nhà cung cấp<sup>(12)</sup>**  
(Ký tên, đóng dấu (nếu có))

## **Ghi chú:**

(1) Hãng sản xuất, nhà cung cấp điền đầy đủ các thông tin để báo giá theo Mẫu này. Trường hợp yêu cầu gửi báo giá trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, hãng sản xuất, nhà cung cấp đăng nhập vào Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia bằng tài khoản của nhà thầu để gửi báo giá và các tài liệu liên quan cho Chủ đầu tư theo hướng dẫn trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia. Trong trường hợp này, hãng sản xuất, nhà cung cấp không phải ký tên, đóng dấu theo yêu cầu tại ghi chú 12.

(2) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi chủng loại thiết bị y tế theo đúng yêu cầu ghi tại cột “Danh mục thiết bị y tế” trong Yêu cầu báo giá.

(3) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể tên gọi, ký hiệu, mã hiệu, model, hãng sản xuất của thiết bị y tế tương ứng với chủng loại thiết bị y tế ghi tại cột “Danh mục thiết bị y tế”.

(4) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể mã HS của từng thiết bị y tế.

(5), (6) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể năm sản xuất, xuất xứ của thiết bị y tế.

(7) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể số lượng, khối lượng theo đúng số lượng, khối lượng nêu trong Yêu cầu báo giá.

(8) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị của đơn giá tương ứng với từng thiết bị y tế.

(9) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị để thực hiện các dịch vụ liên quan như lắp đặt, vận chuyển, bảo quản cho từng thiết bị y tế hoặc toàn bộ thiết bị y tế; chỉ tính chi phí cho các dịch vụ liên quan trong nước.

(10) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị thuế, phí, lệ phí (nếu có) cho từng thiết bị y tế hoặc toàn bộ thiết bị y tế. Đối với các thiết bị y tế nhập khẩu, hãng sản xuất, nhà cung cấp phải tính toán các chi phí nhập khẩu, hải quan, bảo hiểm và các chi phí khác ngoài lãnh thổ Việt Nam để phân bổ vào đơn giá của thiết bị y tế.

(11) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi giá trị báo giá cho từng thiết bị y tế. Giá trị ghi tại cột này được hiểu là toàn bộ chi phí của từng thiết bị y tế (bao gồm thuế, phí, lệ phí và dịch vụ liên quan (nếu có)) theo đúng yêu cầu nêu trong Yêu cầu báo giá.

Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi đơn giá, chi phí cho các dịch vụ liên quan, thuế, phí, lệ phí và thành tiền bằng đồng Việt Nam (VND). Trường hợp ghi bằng đồng tiền nước ngoài, Chủ đầu tư sẽ quy đổi về đồng Việt Nam để xem xét theo tỷ giá quy đổi của Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam (VCB) công bố tại thời điểm ngày kết thúc nhận báo giá.

(12) Người đại diện theo pháp luật hoặc người được người đại diện theo pháp luật ủy quyền phải ký tên, đóng dấu (nếu có). Trường hợp ủy quyền, phải gửi kèm theo giấy ủy quyền ký báo giá. Trường hợp liên danh tham gia báo giá, đại

diện hợp pháp của tất cả các thành viên liên danh phải ký tên, đóng dấu (nếu có) vào báo giá.

Trường hợp áp dụng cách thức gửi báo giá trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, hãng sản xuất, nhà cung cấp đăng nhập vào Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia bằng tài khoản nhà thầu của mình để gửi báo giá. Trường hợp liên danh, các thành viên thống nhất cử một đại diện thay mặt liên danh nộp báo giá trên Hệ thống. Trong trường hợp này, thành viên đại diện liên danh truy cập vào Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia bằng chứng thư số cấp cho nhà thầu của mình để gửi báo giá. Việc điền các thông tin và nộp Báo giá thực hiện theo hướng dẫn tại Mẫu Báo giá và hướng dẫn trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.